Người ký: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
Thời gian ký: 09.04.2021 15:12:12 +07:00

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 737/KH-GDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Giờ, ngày 09 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH
Về việc tổ chức kiểm tra đánh giá công tác hồ sơ học vụ, thiết bị- thực hành thí nghiệm trường học năm học 2020 – 2021

Thực hiện văn bản Số 919/KH-GDĐT, ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức kiểm tra đánh giá công tác hồ sơ học vụ, thiết bị - thực hành thí nghiệm và thư viện trường học năm học 2020 – 2021, Phòng Giáo dục và Đào tạo lập kế hoạch tổ chức kiểm tra công tác hồ sơ học vụ thiết bị - thực hành thí nghiệm trường học năm học 2020 – 2021 như sau:

I. Mục đích yêu cầu:

- Đánh giá công tác quản lý hành chính chuyên môn, quản lý nhà trường thông qua hồ sơ học vụ và thực hiện quy chế chuyên môn.
- Khắc phục những sai sót về hồ sơ học vụ, chuẩn bị hồ sơ học sinh dự thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp.
- Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, thiết bị thực hành thí nghiệm đã được trang bị so với danh mục quy định của Bộ GD&ĐT.
- Kiểm tra công tác tổ chức sử dụng trang thiết bị, thực hành thí nghiệm theo phân phối chương trình các môn học đã được Bộ GD&ĐT quy định.
- Đánh giá, xếp loại công tác thực hành thí nghiệm năm học 2020 – 2021.

II. Nội dung kiểm tra

1. Về hồ sơ học vụ *(theo mẫu A1 đính kèm).*

1.1. Các loại hồ sơ, sổ sách:

Sổ gọi tên ghi điểm điện tử (hồ sơ: quyết định, quy chế, lịch vào điểm của các trường, kiểm tra phần mềm về lưu vết sửa điểm và nhập điểm, hồ sơ xét duyệt sửa điểm: ***ghi biên bản đầy đủ),*** sổ ghi đầu bài (theo qui định mới), học bạ, sổ đăng bộ, sổ chuyển trường, hồ sơ thi lại, hồ sơ dạy nghề phổ thông năm học 2020 - 2021.

Kiểm tra công tác thực hiện chương trình dạy học theo quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 và kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày của nhà trường. (theo bảng đính kèm)

Kiểm tra việc ban hành quy chế kiểm tra đánh giá, hồ sơ thủ tục trong các hội đồng kiểm tra của nhà trường.

Kiểm tra các quyết định phân công nhân sự phụ trách liên quan đến hồ sơ học vụ và kiêrm tra đánh giá.

Lưu ý: Hồ sơ học vụ hiện tại các trường chỉ được phép in sổ gọi tên ghi điểm (in đúng theo mẫu của bộ và có hồ sơ quản lý được sở GDĐT thẩm định), các hồ sơ khác vẫn theo mẫu hồ sơ qui định của bộ.

1.2. Yêu cầu đánh giá:

a) Nội dung:

Thực hiện quy định về chuyển trường và tiếp nhận học sinh theo quyết định 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở

GDĐT về việc chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường THCS và THPT.

Thực hiện việc đánh giá, xếp loại học sinh, xét duyệt lên lớp, bảo lưu thực hiện như sau: học kỳ 1 năm học 2020 – 2021, thực hiện theo thông tư số 58/2011/QĐ-BGD&ĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT và thông tư số 26/2020/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về sữa đổi Thông tư 58/2011/QĐ-BGD&ĐT.

Thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua kiểm tra các loại hồ sơ, sổ sách, đánh giá kết quả quản lý, điều hành của nhà trường.

b) Yêu cầu:

Triển khai dạy đúng, đủ các môn học theo phân phối chương trình của Bộ GDĐT (lưu ý các môn Công nghệ, Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục quốc phòng và an ninh (theo hướng dẫn của của bộ, trường hợp dạy không đúng qui định của Bộ đề nghị ghi biên bản cụ thể), nghề phổ thông.

Tổ chức nghiêm túc việc kiểm tra, ghi điểm, đánh giá xếp loại, vào sổ, phê học bạ, ký xác nhận của Hiệu trưởng.

Thực hiện nghiêm túc thủ tục chuyển trường, nhận học sinh, ghi nhận tất cả trường hợp nhập học không có hồ sơ chuyển trường hợp lệ.

Cập nhật thông tin thường xuyên.

2. Về công tác thiết bị, thực hành thí nghiệm *(theo mẫu A2 đính kèm):*

Công tác quản lý và sử dụng các thiết bị dạy học và hồ sơ, sổ sách: thực trạng các thiết bị dạy học so với danh mục theo quy định của Bộ GD&ĐT (danh mục và chất lượng thiết bị), công tác quản lý thiết bị (nhân sự phụ trách, hồ sơ sổ sách), việc sử dụng thiết bị theo phân phối chương trình các bài thực hành thí nghiệm.

Công tác tổ chức giảng dạy thực hành thí nghiệm đối với các môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ …

III. Tổ chức thực hiện

1. **Đối tượng kiểm tra:** Tất cả các trường trung học cơ sở trong huyện.
2. **Công tác tự kiểm tra của các trường.**

Các trường thành lập tổ kiểm tra tự kiểm tra đơn vị mình và báo cáo kết quả về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Thành phần các tổ tự kiểm tra của trường gồm:

- Đối với công tác hồ sơ học vụ: cán bộ quản lí nhà trường, văn thư, giáo viên chủ nhiệm khối 9.

- Đối với công tác thiết bị - thực hành thí nghiệm: cán bộ quản lí nhà trường, tổ trưởng hoặc nhóm trưởng chuyên môn Lý, Hóa, Sinh, Công Nghệ (mỗi môn 01 người).

Các trường gửi các biên bản tự kiểm tra về Phòng Giáo dục và Đào tạo tạo **trước 11 giờ, ngày 13 tháng 4 năm 2021** (bằng văn bản và file word qua mail tp3004@gmail.com).

3. Kiểm tra chéo.

3.1. Thời gian: từ ngày 14 tháng 4 đến ngày 23 tháng 4 năm 2021.

3.2. Thành phần và phân công thực hiện: theo quyết định của Trưởng phòngGiáo dục và Đào tạo.

3.3. Căn cứ vào quyết định, các đoàn kiểm tra chéo tiến hành kiểm tra các hồ sơ học vụ, công tác thiết bị - thực hành thí nghiệm theo quy định và ghi nhận biên bản làm việc đầy đủ.

3.4. Các trường phân công thành viên Ban Giám hiệu, phụ trách học vụ, thiết bị - thực hành thí nghiệm tiếp và làm việc với Đoàn Kiểm tra chéo.

3.5. Đoàn kiểm tra chéo gửi 02 Biên bản kiểm về Phòng Giáo dục và Đào tạo chậm nhất **11 giờ:**

+ Đối với công tác hồ sơ học vụ: **ngày 19 tháng 4 năm 2021**

+ Đối với công tác thiết bị - thực hành thí nghiệm: ngày 26 tháng 4 năm 2021

(bằng văn bản và file word qua mail tp3004@gmail.com; người nhận Bà Trương Thị Tuyết Phượng, số điện thoại 090 417 4867).

4.1. Lịch kiểm tra:

a) Công tác hồ sơ học vụ

TT	Thời gian	Đoàn kiểm tra	Đơn vị được kiểm tra
1	14/4/2021	Đoàn 1	Trường Trung học cơ sở Bình Khánh
		Đoàn 7	Trường Trung học cơ sở Long Hòa
		Đoàn 4	Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn
2	15/4/2021	Đoàn 3	Trường Trung học cơ sở An Thới Đông
		Đoàn 2	Trường Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp
		Đoàn 6	Trường Trung học cơ sở Doi Lầu
3	16/4/2015	Đoàn 5	Trường Trung học cơ sở Cần Thạnh

b) Công tác thiết bị - thực hành thí nghiệm

TT	Thời gian	Đơn vị được kiểm tra
1	15/4/2020	Trường Trung học cơ sở Cần Thạnh, Long Hòa

2	16/4/2020	Trường Trung học cơ sở An Thới Đông
	20/4/2021	Trường Trung học cơ sở Bình Khánh
3	22/4/2021	Trường Trung học cơ sở Lý Nhơn, Doi Lầu
4	23/4/2021	Trường Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp

Trên đây là kế hoạch kiểm tra đánh giá công tác hồ sơ học vụ, thiết bị - thực hành thí nghiệm trường học năm học 2020 – 2021. Đề nghị Hiệu trưởng các trường tổ chức tốt việc tự kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra chéo hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện đúng thời gian quy định ./.

Nơi nhận :
- Các trường THCS;
- Ban Lãnh đạo (Bà D.Phượng, Bà Mai);
- Tổ THCS;
- Lưu : VT.

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. CẦN GIỜ - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Hoàng Mai

MẪU A1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ HỌC VỤ
TRƯỜNG .....

- Thời gian ..... Giờ ..... ngày .....
- Thành phần tổ kiểm tra:
- .....chức vụ ..... trường .....
- ..... chức vụ..... trường .....
- ..... chức vụ..... trường .....
- ..... chức vụ..... trường .....
- Thành phần tiếp Tổ kiểm tra
- ..... chức vụ .....
- ..... chức vụ .....
- ..... chức vụ .....

KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. HỒ SƠ HỌC VỤ

STT	Loại hồ sơ	Số hồ sơ kiểm tra	Nhận định chung	Thiếu sót cần khắc phục
1	Sổ đăng bộ			
2	Sổ gọi tên – ghi điểm			
3	Học bạ			
4	Sổ ghi đầu bài			
5	Hồ sơ thi lại			
6	Sổ chuyển trường, bảo lưu học sinh			
7	Hồ sơ kiểm tra học kỳ			
8	Kế hoạch, quy chế sử dụng sổ điểm điện tử			
9	Quy chế kểm tra đánh giá			

	học sinh			
10	Các quyết định phân công			
11	Hồ sơ Câu Lạc Bộ			

2. HỒ SƠ DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG

STT	Loại hồ sơ	Số hồ sơ kiểm tra	Nhận định chung	Thiếu sót cần khắc phục
1	Sổ ghi đầu bài			
2	Sổ gọi tên – ghi điểm			
3	Phiếu theo dõi quá trình học nghề phổ thông (khối lớp 11)			

Kiểm tra thực hiện dạy học theo quyết Định 16/2006 và dạy học 2 buổi/ngày

Khối lớp	Có dạy học 2 buổi/ngày	Số tiết theo quyết định 16/2006	Số tiết dạy học văn hóa buổi 2	Số tiết dạy học kỹ năng trong buổi 2	Số tiết dạy anh văn bản ngữ	Số câu lạc bộ/học sinh tham gia CLB	Ghi chú các trường hợp chưa rõ

3. ĐÁNH GIÁ CHUNG

a. Thực hiện quy chế chuyên môn

Mặt tốt

……
……
……
……

Chưa tốt

……
……
……
……
……
……

b. Nội dung ghi chép

Mặt tốt

……
……
……

Chưa tốt

.....
.....
.....
.....

c. Cập nhật thông tin và thời gian cập nhật – Duyệt của Hiệu trưởng

Mặt tốt

.....
.....
.....
.....

Chưa tốt

.....
.....

d. Việc thực hiện hồ sơ sổ sách của nhà trường

Những loại hồ sơ nhà trường đang sử dụng

.....
.....
.....
.....

Những loại hồ sơ nhà trường sử dụng không có trong qui định

.....
.....
.....
.....

4. KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....

Công tác kiểm tra kết thúc lúc ..... Giờ ..... ngày .....

(lưu ý các nội dung trong biên bản không đúng với thực tế do trưởng đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm)

Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**
(Thủ trưởng ký tên và đóng dấu)	(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

MẪU A2

UBND HUYỆN CẦN GIỜ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Giờ ngày ..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC THIẾT BỊ, THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM
NĂM HỌC 2020 - 2021

Đơn vị được kiểm tra:.....

Ngày kiểm tra:.....

Thành phần Đoàn kiểm tra:

1. .....

I/ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ:

Stt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Đã tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ TBTHTN	Diện công tác				ĐT liên lạc
				HĐ	BC	Chuyên trách	GV kiêm nhiệm	

II/ TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1/ Phòng chức năng:

	P.Thiết bị	TH.Sinh	TH.Lý	TH.Hóa	P.Vi tính	P.Đa năng	P.Multimedia	P.Bộ Môn
Số lượng								
Diện tích								

Phòng vi tính có đường truyền internet kết nối mạng hay không?

.....

Số lượng máy tính :

.....

Số Lượng máy còn sử dụng:

.....

Số tiết dạy tại phòng máy:

.....

Tổng số tiết dạy Tin học:

.....

Phòng thí nghiệm có máy chiếu hoặc ti vi không?

.....

2/ Dụng cụ thực hành thí nghiệm:

Lưu ý, các trường không báo cáo:

+ ***Thiết bị không còn phù hợp với chương trình phổ thông hiện hành;***
+ ***Dụng cụ hư hỏng không phục vụ cho công tác dạy học thực hành.***

Số bộ dụng cụ TH	Môn Lý		Môn Hóa		Môn Sinh		Môn C.Nghệ	
	Bộ GV	Bộ HS	Bộ GV	Bộ HS	Bộ GV	Bộ HS	Bộ GV	Bộ HS
Khối…								

3/ Các thiết bị nghe nhìn:

Nhà trường chỉ báo cáo những tài sản còn sử dụng được, các tài sản hư hao không phục vụ công tác giảng dạy – học tập không báo cáo (đoàn kiểm tra lưu ý)

	Projector	Overhead	Máy vi tính	Cassette	Tivi	Máy chiếu vật thể	Phim	…
Sốlượng								
Tần suất sử dụng/năm								

III/ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC:

1/ Số tiết sử dụng thiết bị giảng dạy:

Khối	Số lớp	Số tiết sử dụng mô hình – đạo cụ	Số tiết sử dụng tranh ảnh – bản đồ	Tổng cộng	Tỉ lệ tiết/lớp/học kì

2/ Số tiết sử dụng phương tiện nghe nhìn:

Khối	Số lớp	Số tiết sử dụng phương tiện nghe nhìn		Tổng cộng	Tỉ lệ tiết/lớp/học kì
		Băng, đĩa	Giáo án điện tử		

3/ Thực hành thí nghiệm:

Khối	Số lớp	Số tiết thực hành thí nghiệm			
		Lý	Hóa	Sinh	Công nghệ

4/ Công tác tự làm thiết bị giảng dạy của giáo viên:

Khối	Số lượng giáo án điện tử	Số lượng mô hình – đạo cụ	Số lượng tranh ảnh – bản đồ	Số lượng giáo viên	Tỉ lệ tham gia

IV/ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM:

1. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1.1. Phòng thực hành thí nghiệm

a. Số lượng, thiết kế Phòng thực hành thí nghiệm:

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
1	Trường có 3 PTN thực hành riêng Lý-Hóa-Sinh	□			
2	Trường có 1 PTN Lý và 1 PTN dùng chung Hóa-Sinh		□		
3	Trường có 1 PTN dùng chung Lý-Hóa-Sinh			□	
4	Trường chưa có phòng thí nghiệm thực hành				□

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
5	Phòng TNTH có kích thước $7m \times 8m \leq S$	□			
6	Phòng TNTH có kích thước $6m \times 8m \leq S < 7m \times 8m$		□		
7	Phòng TNTH có kích thước $S < 6m \times 8m$			□	

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
8	Phòng TNTH có 2 cửa ra vào (1 ở đầu lớp, 1 ở cuối lớp)	□			
9	Phòng TNTH có 1 cửa ra vào			□	

b. Kho chứa của phòng thực hành thí nghiệm

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
10	Phòng TNTH đều có kho chứa riêng ở bên cạnh	□			
11	Phòng TNTH Lý, Hóa-Sinh có 2 kho chứa		□		
12	Phòng TNTH Lý-Hóa-Sinh chỉ có 1 kho chứa chung			□	
13	Không có kho chứa riêng mà sử dung kho TB chung của trường				□

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
14	Kho chứa có kích thước $4m \times 8m \leq S$	□			
15	Kho chứa có kích thước $3m \times 7m \leq S < 4m \times 8m$		□		
16	Kho chứa có kích thước $S < 3m \times 7m$			□	

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
17	Kho chứa có cửa ngăn với phòng TNTH và cửa riêng	□			

18	Kho chứa chỉ có cửa ngăn (không có cửa riêng) Ghi chú: Kho chứa ở cách xa Phòng TNTH không tính điểm			☐	

c. Điện nước chuyên dùng phục vụ thí nghiệm thực hành

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
19	Bàn GV (Lý) có hệ thống điện điều khiển cho cả lớp	☐			
20	Bàn GV (Lý) không có hệ thống điện điều khiển cho cả lớp				☐
21	Có thiết kế điện thực hành (Lý) đến từng nhóm học sinh	☐			
22	Không có thiết kế điện thực hành (Lý) đến từng nhóm học sinh				☐
23	Nước phục vụ thực hành (Hóa-Sinh) đến từng nhóm học sinh	☐			
24	Có nước (Hóa-Sinh) trong phòng thực hành dung chung		☐		
25	Không có nước phục vụ thực hành (Hóa-Sinh) đến từng nhóm học sinh (lấy nước bên ngoài phòng)				☐
26	Phòng TNTH Hóa có vòi sen nước cấp cứu trên cửa ra vào	☐			
27	Phòng TNTH Hóa có tủ "hốt" (tủ hút khí độc)	☐			
28	Phòng TNTH Lý có màn chắn sáng	☐			
29	Phòng TNTH có quạt hút	☐			
30	Phòng TNTH có tủ thuốc cứu thương	☐			
31	Kho chứa có quạt hút	☐			
32	Phòng TNTH có bình chữa cháy	☐			

1.2. Phòng bộ môn

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
33	Từ 4 phòng bộ môn trở lên	☐			
34	Có 3 phòng bộ môn		☐		
35	Có 2 phòng bộ môn			☐	
36	Có 1 phòng bộ môn				☐

2. TRANG THIẾT BỊ CỦA PHÒNG TNTH:

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
37	Học sinh được chia thành nhóm 2 hs/bộ dụng cụ	☐			
38	Học sinh được chia thành nhóm 3 hs/bộ dụng cụ		☐		
39	Học sinh được chia thành nhóm 4 hs/bộ dụng cụ			☐	
40	Học sinh được chia thành nhóm 5 hs/bộ dụng cụ				☐
41	Phòng TNTH có hệ thống ampli-micro-loa	☐			
42	Phòng TNTH **không** có hệ thống ampli-micro-loa				☐
43	Phòng TNTH có hệ thống thiết bị nghe nhìn phục vụ	☐			

	giảng dạy (các loại máy chiếu, màn ảnh,...)				
44	Phòng TNTH **không** có hệ thống thiết bị nghe nhìn phục vụ giảng dạy (các loại máy chiếu, màn ảnh,...)				☐
45	Có tranh ảnh-mô hình-mẫu vật các môn Lý-Hóa-Sinh	☐			
46	Có **không đầy đủ** tranh ảnh-mô hình-mẫu vật các môn Lý-Hóa-Sinh			☐	
47	**Không** có tranh ảnh-mô hình-mẫu vật các môn Lý-Hóa-Sinh				☐
48	Có ĐDDH tự làm các môn Lý-Hóa-Sinh	☐			
49	**Không** có ĐDDH tự làm các môn Lý-Hóa-Sinh				☐
50	Có xe đẩy phòng thí nghiệm	☐			
51	**Không** có xe đẩy phòng thí nghiệm				☐

3. HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TNTH:

3.1. Tổ chức quản lý

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
52	Có phân công hiệu phó chuyên môn theo dõi chỉ đạo hoạt động thiết bị và TNTH	☐			
53	Không có phân công hiệu phó chuyên môn theo dõi chỉ đạo hoạt động thiết bị và TNTH				☐
54	Phòng TNTH bộ môn nào được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của bộ môn đó	☐			
55	Phòng TNTH được đặt dưới sự quản lý của tổ thiết bị trường		☐		
56	Có CBTB chuyên trách hoặc GV kiêm nhiệm công tác thiết bị	☐			
57	**Không** có CBTB chuyên trách hoặc GV kiêm nhiệm công tác thiết bị				☐
58	CBTB phòng TN có tham dự sinh hoạt cùng với tổ bộ môn	☐			
59	CBTB phòng TN **không** tham dự sinh hoạt cùng với tổ bộ môn				☐
60	Có thực hiện chế độ chính sách cho CBTB phòng TN (bồi dưỡng độc hại, giờ phụ trội,...)	☐			
61	**Không** có thực hiện chế độ chính sách cho CBTB phòng TN (bồi dưỡng độc hại, giờ phụ trội,...)				☐
62	**Không** xảy ra mất mát thiết bị hoặc ĐDDH (thiết bị hư hỏng có báo cáo thanh lý hay không?)	☐			
63	Có xảy ra mất mát thiết bị hoặc ĐDDH				☐

3.2. Hồ sơ sổ sách

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
64	Có **đầy đủ** các loại sổ: - Sổ tài sản	☐			

	- Sổ theo dõi tiết TNTH - Sổ sử dụng ĐDDH (mượn, trả) - Sổ kế hoạch TNTH theo từng học kỳ - Sổ tiêu hao dụng cụ TNTH - Sổ chi tiêu (mua sắm bổ sung) - Sổ ghi nhận ĐDDH tự làm				
65	Có **không** đầy đủ các loại sổ trên				☐
66	Có hồ sơ lưu: - Mẫu báo cáo các bài TNTH - Bài làm của học sinh - Biên bản giao nhận tài sản - Tài liệu HDSD các dụng cụ thí nghiệm	☐			
67	**Không** có đầy đủ các loại hồ sơ lưu trên				☐
68	Có phổ biến rộng rãi lịch thực hành đến các khối lớp Có đăng tải nội dung ngày giờ thực hành lên cổng thông tin điện tử	☐			
69	**Không** có phổ biến rộng rãi lịch thực hành đến các khối lớp				☐
70	Có nội qui phòng thí nghiệm	☐			
71	**Không** có nội qui phòng thí nghiệm				☐

3.3. Hoạt động chuyên môn

T: số tiết dạy thực hành thí nghiệm/ số tiết dạy theo qui định

Mục	Tiêu chí	A	B	C	D
72	90% ≤ T = 100%	☐			
73	75% ≤ T < 90%		☐		
74	50% ≤ T < 75%			☐	
75	T < 50%				☐
	Tổng cộng: số lượng (sl)				

Tính điểm: 1 A = 10 điểm; 1 B = 7 điểm; 1 C = 5 điểm; 1 D = 3 điểm.

Tổng số điểm: Đ = (10đ × sl A) + (7đ × sl B) + (5đ × sl C) + (3đ × sl D)

Xếp loại:

290đ ≤ Đ ≤ 340đ: Tốt

210đ ≤ Đ < 290đ: Khá

170đ ≤ Đ < 210đ: Trung bình

Đ < 170đ: Yếu

Xếp loại: ☐

V/ NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ:

VI/ KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT:

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**